

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

Bản án số: 13/2024/HS-PT

Ngày 15 - 4 - 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thảo

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Đức Hiệp

Ông Phạm Thanh Tùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Ninh Thị Thanh Phương - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Như Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 26/2024/TLPT - HS ngày 15 tháng 03 năm 2024 đối với bị cáo Trần Sỹ T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2024/HS-ST ngày 31 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

**Bị cáo có kháng cáo:*

Trần Sỹ T, sinh năm 1977 tại tỉnh Hà Nam; Nơi cư trú: tổ 12 L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp lái xe; trình độ văn hoá 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Sỹ N và bà Tô Thị T (đều đã chết); có vợ Nguyễn Thị S và 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án số 425/2007/HSST ngày 06/12/2007, Tòa án nhân dân Quận H, thành phố Hà Nội xử phạt 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 tháng, phạt tiền bổ sung 3.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 14513 ngày 02/4/2013, Công an Quận H, thành phố Hà Nội xử phạt 3.500.000 đồng về hành vi “Hủy hoại tài sản của người khác”; bị tạm giữ từ ngày 07/9/2023 đến ngày 14/9/2023 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đến nay (có mặt).

Ngoài ra trong vụ án còn có 01 bị cáo; 01 bị hại; 01 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đỗ Văn B có quan hệ họ hàng với anh Phạm Văn P sinh năm 1994 trú tại xóm T, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Khoảng đầu tháng 05/2023, B biết anh P đang bị tạm giữ tại Công an thành phố Ninh Bình về hành vi “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” nên B đã gọi điện thoại cho chị Lê Hồng P (là vợ của P) để hỏi thăm tình hình của anh P. Quá trình nói chuyện, B biết chị P có nhu cầu xin cho chồng mình được tại ngoại nên đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị P. Đỗ Văn B bàn bạc với người bạn tên là Nguyễn Văn H (B không biết rõ họ tên, tuổi, địa chỉ cụ thể) đóng giả là người làm ở Công an tỉnh Ninh Bình và có thể lo cho P được tại ngoại, sau khi chiếm đoạt được tiền của chị P thì cả hai sẽ cùng nhau tiêu xài, H đồng ý. Sau đó, B gọi điện thoại cho chị P nói là có quen chú H làm ở Công an tỉnh có thể lo được cho anh P tại ngoại và bảo chị P chuẩn bị số tiền 40.000.000 đồng để lo việc cho anh P, do tin tưởng B nên chị P đồng ý. Đến chiều ngày 09/05/2023, B gọi điện bảo chị P chuẩn bị phong bì 40.000.000 đồng rồi đến cây xăng trên đường Nguyễn H thuộc địa phận phường N, thành phố Ninh Bình đón B đi gặp chú H. Khi chị P đi xe taxi đến đón B thì B bảo lái xe đi đến khu vực đường Phạm Thận D thuộc địa phận phường B, thành phố N. Khi đến nơi, B bảo chị P đưa cho mình số tiền 40.000.000 đồng để một mình B vào gặp trực tiếp và nói với chị P “*Chú H không muốn gặp người lạ*”. Sau đó B đã cầm số tiền 40.000.000 đồng của chị P đi bộ đến gặp và đưa cho H ở quán nước gần đó. Đưa tiền cho H xong, B đi ra xe nói với chị P “*Xong việc rồi, cháu không cần vào gặp nữa*” và hứa hẹn với chị P trưa ngày 10/05/2023 sẽ đến đón chị P lên bảo lãnh cho anh P về. Đến tối ngày 09/05/2023, B và H gặp nhau và cùng nhau tiêu xài hết số tiền đã chiếm đoạt của chị P. Sáng ngày 10/05/2023, để chị P tin tưởng B gọi điện nói với chị P “*Chú H đã viết giấy bảo lãnh cho anh P rồi đến ngày 12/05/2023 sẽ được về*”.

Đến khoảng 12 giờ ngày 12/05/2023, do hết tiền tiêu xài cá nhân nên B tiếp tục nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của chị P. B gọi điện thoại cho chị P lấy lý do là chú H đòi thêm, nếu không có thì anh P không được về và yêu cầu chị P đưa thêm cho B số tiền 20.000.000 đồng. Sau đó, B cùng với H đi đến nhà bố đẻ của chị P là ông Lê Xuân Đ, sinh năm 1963 ở thôn K, xã N, huyện Hoa L, tỉnh Ninh Bình để gặp chị P lấy tiền. Khi đến nơi H đứng chờ ở ngoài còn B một mình đi vào trong nhà, chị P đã đưa cho B số tiền 20.000.000 đồng. B nói với ông Đ “*Thôi giờ họ đòi thêm thì cố cho nó về ông ạ*”. Sau đó, B cầm tiền rồi cùng H đi về. Toàn bộ số tiền 20.000.000 đồng B đã đưa cho H tiêu xài. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, chị P gọi điện cho B hỏi mấy giờ anh P được về thì B lấy lý do người lấy giấy cho P về quê nên hẹn đến ngày 15/05/2023 mới cho anh Phong ra được. Đến ngày 15/05/2023, vẫn chưa thấy anh P được về nên chị P

gọi điện thoại cho B, B đã cho chị P số điện thoại 0865.526.135 (số điện thoại này là của B đưa cho H sử dụng, được lắp trên chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia của B) và nói “Số của chú H”, B bảo chị P liên hệ trực tiếp với H. Sau đó chị P gọi điện cho H thì H trả lời “Có gì chú sẽ liên lạc qua cho cậu B”. Đến ngày 17/05/2023, do hết tiền tiêu xài nên B tiếp tục nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của chị P. B gọi điện thoại cho chị P nói “Bên Công an xin thêm tiền uống nước” và yêu cầu chị P chuyển thêm số tiền 10.000.000 đồng. Do tin tưởng B nên chị P đồng ý và chuyển tiền qua số tài khoản ngân hàng BIDV của B. Sau khi nhận được tiền, B và H tiếp tục cùng nhau sử dụng tiêu xài chung hết. Sau đó, chị P đã nhiều lần gọi điện cho B để hỏi việc của anh P, khi biết B không lo việc được cho P thì chị P đã nhiều lần đòi lại tiền. B lấy nhiều lý do hứa hẹn để không trả lại tiền cho chị P. Ngày 20/06/2023, chị Lê Hồng P đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N để trình báo nội dung sự việc. Ngày 06/09/2023, Cơ quan điều tra triệu tập Đỗ Văn B đến làm việc, Bẫy đã viết đơn xin đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, đồng thời tự nguyện giao nộp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 lắp sim số 0982.063.535.

Quá trình điều tra xác định Đỗ Văn B còn thực hiện hành vi đánh bạc bằng hình thức “chơi số lô, số đề” với Trần Sỹ T vào ngày 02/9/2023, cụ thể:

Đỗ Văn B và Trần Sỹ T có mối quan hệ quen biết, dựa vào kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc mở thưởng hàng ngày, B đã nhận mua các số lô, số đề của Thu qua tin nhắn mạng xã hội Zalo. Bẫy và T thống nhất cách chơi như sau:

+ Số đề là một hoặc nhiều cặp số bất kỳ từ cặp số 00 đến cặp số 99, giá trị mỗi cặp số mua bao nhiêu là tùy người chơi. Việc thắng thua dựa trên đối chiếu kết quả hai số cuối của giải đặc biệt của xổ số kiến thiết miền Bắc mở thưởng trong ngày; nếu cặp số của người chơi trùng với hai số cuối của giải đặc biệt xổ số kiến thiết miền Bắc thì người chơi “trúng đề”, người bán phải thanh toán cho người “trúng đề” với số tiền trúng thưởng có giá trị gấp tám mươi lần số tiền người “trúng đề” đã bỏ ra mua các cặp số đề; nếu không có người chơi nào “trúng đề” thì người bán các số đề sẽ được hưởng toàn bộ số tiền người chơi đã bỏ ra mua các cặp số đề.

+ Số lô Hà Nội là một hoặc nhiều cặp số bất kỳ từ cặp số 00 đến cặp số 99. Giá trị mỗi cặp số là 23.000 đồng được tính là 01 điểm chơi. Việc thắng thua dựa trên đối chiếu kết quả hai số cuối của các giải trong 7 giải xổ số kiến thiết miền Bắc mở thưởng trong ngày; nếu cặp số của người chơi trùng khớp với hai số cuối của một hoặc các giải trong 7 giải xổ số kiến thiết miền Bắc thì người chơi “trúng lô”. Nếu trùng khớp với một giải thì được nhận 80.000 đồng, trùng khớp hai giải thì được 160.000 đồng. Ngược lại, nếu không có người chơi “trúng lô” thì người bán các số lô sẽ được nhận toàn bộ số tiền người chơi đã bỏ ra mua các cặp số lô.

Ngày 02/9/2023, khi Trần Sỹ T đang lái xe chở khách chạy tuyến Bắc - Nam (T không xác định được địa điểm cụ thể) T sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A50s đăng nhập tài khoản Zalo “Trần Sỹ T” nhắn tin đến tài khoản Zalo “Hoang Phu” của Đỗ Văn B để mua 12 số lô Hà Nội (tổng 1200 điểm) = 27.600.000 đồng, 31 số đề = 11.500.000 đồng, tổng số tiền mua số lô, số đề là 39.100.000 đồng. Đối chiếu kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc mở thưởng ngày 02/9/2023, T trúng thưởng 300 điểm lô Hà Nội thành tiền là 24.000.000 đồng. Tổng số tiền Đỗ Văn B và Trần Sỹ T sử dụng để đánh bạc là 63.100.000 đồng. B và T chưa thanh toán thắng thua với nhau.

Ngày 07/9/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N đã triệu tập Trần Sỹ T đến làm việc. T đã viết đơn xin đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, đồng thời tự nguyện giao nộp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A50s lắp sim số 0944.788.228.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 23/2024/HS-ST ngày 31/01/2024 Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình đã xét xử và quyết định: Tuyên bố bị cáo Trần Sỹ T phạm tội “Đánh bạc”.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s, u khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt: bị cáo Trần Sỹ T 02 năm 03 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án (được trừ đi 07 ngày tạm giữ).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên phạt bị cáo Đỗ Văn B 04 năm 06 tháng tù về các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản ” và “Đánh bạc”; xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp; án phí, quyền kháng cáo cho các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02 tháng 02 năm 2024 bị cáo Trần Sỹ T có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Sỹ T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và bổ sung thêm yêu cầu kháng cáo xin được giảm hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tại phiên tòa phúc thẩm sau khi phân tích đánh giá tính chất của vụ án, mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra, đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 342; điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Trần Sỹ T, sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 23/2024/HS-ST ngày 31/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình về phần hình phạt.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s, u khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Sỹ T 15 tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án (được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 7/9/2023 đến ngày 14/9/2023).

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Trần Sỹ T đã nộp số tiền 39.100.000 đồng là số tiền dùng vào việc đánh bạc và 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm

theo quyết định của bản án hình sự sơ thẩm số: 23/2024/HS-ST ngày 31 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình tại biên lai thu tiền số: 0000365 và 000366 ngày 03/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

Bị cáo Trần Sỹ T không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Lời nói sau cùng bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo yên tâm cải tạo, sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Ngày 02 tháng 02 năm 2024, bị cáo Trần Sỹ T có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Trần Sỹ T bổ sung yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Căn cứ khoản 1 Điều 342 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc bổ sung kháng cáo của bị cáo. Xét thấy kháng cáo của bị cáo là hợp lệ nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Sỹ T thừa nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm đã nêu. Lời khai nhận tội của bị cáo còn phù hợp với lời khai của bị cáo khác trong cùng vụ án; phù hợp với vật chứng đã thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận: Ngày 02/9/2023 khi Trần Sỹ T đang lái xe chở khách chạy tuyến Bắc - Nam (T không xác định được địa điểm cụ thể), T đã có hành vi sử dụng điện thoại nhắn tin qua mạng xã hội Zalo để đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức đánh số lô, số đề với Đỗ Văn B, tổng số tiền Trần Sỹ T, Đỗ Văn B sử dụng vào việc đánh bạc là 63.100.000 đồng. Hành vi nêu trên của bị cáo Trần Sỹ T đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Đánh bạc”, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo, Hội đồng xét xử xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trật tự công cộng, ảnh hưởng xấu đến tình hình trị an tại địa phương, là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các tệ nạn xã hội và các loại tội phạm khác. Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi thực hiện hành vi phạm tội, đã lập công chuộc tội, cung cấp nguồn tin, giúp Công an Quận Hi khám phá chuyên án mua bán trái phép chất ma túy (có xác nhận của Công an Quận H), được UBND Quận H khen thưởng thành tích đột xuất; bị cáo còn được UBND Quận B tặng thưởng Giấy khen đã có thành tích trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc; khi bị cơ quan điều tra triệu tập lên làm việc bị cáo đã viết đơn xin đầu thú là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm s, u khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bản án sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình

tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và xử phạt bị cáo mức hình phạt 02 năm 03 tháng tù về tội “Đánh bạc” là phù hợp với quy định của pháp luật, không nặng.

Tuy nhiên trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bị cáo có xuất trình 01 Huân chương kháng chiến hạng Ba của ông Trần Sỹ N; 01 Huân chương kháng chiến hạng Ba của bà Tô Thị T (là bố mẹ đẻ bị cáo); bị cáo đã nộp số tiền 39.100.000 đồng là tiền dùng vào việc đánh bạc và 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới nêu trên nên Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ để chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

Đối với yêu cầu kháng cáo xin được hưởng án treo là không có căn cứ để chấp nhận với lý do bị cáo là người có nhân thân xấu, đã 01 lần bị Tòa án nhân dân Quận H, thành phố Hà Nội xử phạt 08 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian tử thách 16 tháng về tội “Đánh bạc” và một lần bị xử phạt hành chính về hành vi hành vi “Hủy hoại tài sản” nhưng bị cáo không lấy đó là bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà vẫn tiếp tục phạm tội, do đó Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí: Kháng cáo của bị cáo được chấp nhận một phần nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1 Điều 342; điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Trần Sỹ T, sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 23/2024/HS-ST ngày 31/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình theo hướng giảm nhẹ một phần hình phạt tù đối với bị cáo.

2. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s, u khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt: bị cáo Trần Sỹ T 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án (được trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 07/9/2023 đến ngày 14/9/2023).

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Trần Sỹ T đã nộp số tiền 39.100.000 đồng là tiền bị cáo dùng vào việc đánh bạc và án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng theo quyết định của bản án hình sự sơ thẩm số: 23/2024/HS-ST ngày 31 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình tại biên lai thu tiền số: 0000365 và 000366 ngày 03/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Trần Sỹ T không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 15/4/2024.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao (01 bản);
- VKSND Cấp cao (01 bản);
- Kiểm tra nghiệp vụ THA (02 bản);
- VKSND tỉnh Ninh Bình (03 bản);
- Phòng HSNV - Công an Ninh Bình (01 bản);
- TAND thành phố N (4 bản);
- VKSND thành phố N (01 bản);
- Chi cục THADS thành phố N (01 bản);
- Công an thành phố N (01 bản);
- Bị cáo (01 bản);
- Sở tư pháp tỉnh Ninh Bình (01 bản);
- Lưu hồ sơ, lưu tòa, HCTP (03 bản);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Bùi Thị Thảo